

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 59/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 14 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng
nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Đính kèm Danh mục).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (trước đây) liên quan đến công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- UBND TP;
- Trung tâm CNTT&TT (Sở KHCN);
- VP. UBND TP;
- Lưu: VT. PM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Chí Hùng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ
CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC THẨM
QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công. Mức độ: một phần.	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản do cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện: 700.000 đồng/cơ sở.	- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội. - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Điều 3 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2.	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối	03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua	- Phí thẩm định và chứng nhận mẫu dịch tự	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

	với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	đăng ký cấp CFS đúng quy định.	dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công. Mức độ: một phần	do (FSC), giấy chứng nhận sản phẩm thuốc (CPP), các giấy chứng nhận thuốc thú y để xuất khẩu: 180.000 đồng/01 loại thuốc. - Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận thức ăn chăn nuôi lưu hành tự do tại Việt Nam: 350.000 đồng/01 sản phẩm/lần.	- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Điều 4 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3.	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	03 (ba) ngày làm việc	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công. Mức độ: một phần	Không	- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Điều 5 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4.	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	35 (ba mươi lăm) ngày làm việc nêu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (không bao gồm thời gian	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công	Phí thẩm định công nhận hoặc chỉ định phòng kiểm nghiệm,	- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công

		đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm, thời gian khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm).	ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công. Mức độ: một phần	phòng thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Đánh giá lần đầu 32.000.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm.	Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Điều 6 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
5.	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005	30 (ba mươi) ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (không bao gồm thời gian đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm, thời gian khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm).	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công. Mức độ: một phần	Phí thẩm định công nhận hoặc chỉ định phòng kiểm nghiệm, phòng thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Đánh giá lần đầu 32.000.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm.	- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Điều 7 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
6.	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	35 (ba mươi lăm) ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (không bao gồm thời gian đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính	Phí thẩm định công nhận hoặc chỉ định phòng kiểm nghiệm, phòng thử nghiệm trong lĩnh	- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

		nghiệm, thời gian khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm).	công thành phố hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công. Mức độ: một phần	vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Đánh giá gia hạn 22.500.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm.	- Điều 8 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
7.	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	35 (ba mươi lăm) ngày làm việc nêu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (không bao gồm thời gian đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm, thời gian khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm).	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công. Mức độ: một phần	Phí thẩm định công nhận hoặc chỉ định phòng kiểm nghiệm, phòng thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản: Đánh giá thay đổi, bổ sung 22.500.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm.	- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Điều 9 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
8.	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc trực tuyến qua	Không	- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Điều 10 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày

			cổng dịch vụ công. Mức độ: một phần		19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
9.	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vỏ	a) Xử lý hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày thu hoạch. b) Xử lý hồ sơ và cấp giấy chứng nhận: Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu kiểm soát thu hoạch.	Cơ sở thu hoạch nhuộm thể hai mảnh vỏ (hoặc cơ sở sơ chế, chế biến) gửi Phiếu kiểm soát thu hoạch nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc trực tuyến qua cổng dịch vụ công. Mức độ: một phần	Không	Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/10/2015 của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

TTHC KHÔNG TIẾP NHẬN TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

10.	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vỏ	a) Cơ quan kiểm soát cấp Giấy chứng nhận xuất xứ cho các lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vỏ được kiểm soát ngay sau khi thực hiện kiểm soát tại hiện trường. b) Trường hợp đại diện Cơ quan kiểm soát chưa ký tên và chưa đóng dấu	Tại hiện trường	Không	Thông tư số 33/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/10/2015 của của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
-----	---	---	-----------------	-------	--

		của Cơ quan kiểm soát trên Giấy chứng nhận xuất xứ tại hiện trường, Cơ quan kiểm soát tổ chức cấp Phiếu kiểm soát thu hoạch ngay sau khi thực hiện kiểm soát tại hiện trường.			
--	--	--	--	--	--